

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG VÀ DU LỊCH ĐÔNG PHONG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG VÀ DU LỊCH ĐÔNG PHONG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DONG PHONG TRAVEL AND MEDIA JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110490780

**3. Ngày thành lập:** 28/09/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Nhà 32 ngõ 2/2 Phương Mai, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0928522345

Fax:

Email: [dong.phong.media.and.travel@gmail.com](mailto:dong.phong.media.and.travel@gmail.com) Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                       | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                           | 4322     |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                  | 4329     |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                  | 4330     |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                             | 4390     |
| 5.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác                                                             | 4649     |
| 6.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                 | 4659     |
| 7.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                         | 4663     |
| 8.  | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán)                                                | 7020     |
| 9.  | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Khảo sát xây dựng;<br>Lập thiết kế quy hoạch xây dựng;<br>Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng | 7110     |
| 10. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất                                                                                        | 7410     |
| 11. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Chuyển giao công nghệ                                                      | 7490     |

|     |                                                                                                                                                                                                                      |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 12. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định<br>- Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng<br>- Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô | 4932        |
| 13. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                            | 5510        |
| 14. | Đại lý du lịch<br>Chi tiết: Dịch vụ lữ hành                                                                                                                                                                          | 7911(Chính) |
| 15. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                                                                | 7912        |
| 16. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                  | 7990        |
| 17. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                    | 4101        |
| 18. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                              | 4102        |
| 19. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                        | 4211        |
| 20. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                         | 4212        |
| 21. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                             | 4221        |
| 22. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                  | 4222        |
| 23. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                                   | 4223        |
| 24. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                    | 4229        |
| 25. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                                             | 4291        |
| 26. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                                                                      | 4292        |
| 27. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                                                                | 4293        |
| 28. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                           | 4299        |
| 29. | Phá dỡ<br>(Loại trừ hoạt động nổ mìn)                                                                                                                                                                                | 4311        |
| 30. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(Loại trừ hoạt động nổ mìn)                                                                                                                                                                     | 4312        |
| 31. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                | 4321        |
| 32. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                 | 4752        |
| 33. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                     | 4771        |

**6. Vốn điều lệ:** 3.500.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 350.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông              | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức             | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|--------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | HÀ XUÂN<br>PHƯƠNG        | Khu 10, Xã Phú<br>Mỹ, Huyện Phù<br>Ninh, Tỉnh Phú<br>Thọ, Việt Nam                             | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 200.000       | 2.000.000.000            | 57,140       | 0250910169<br>62                                                                                                       |            |
|     |                          |                                                                                                | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                          |                                                                                                | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                          |                                                                                                | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                          |                                                                                                | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                          |                                                                                                | Tổng số                            | 200.000       | 2.000.000.000            | 57,140       |                                                                                                                        |            |
| 2   | TRẦN<br>KHÁNH BẢO<br>ANH | 3/274 Đồng Tâm,<br>Phường Lạch<br>Tray, Quận Ngô<br>Quyên, Thành<br>phố Hải Phòng,<br>Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 50.000        | 500.000.000              | 14,290       | 0310950060<br>32                                                                                                       |            |
|     |                          |                                                                                                | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                          |                                                                                                | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                          |                                                                                                | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                          |                                                                                                | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                          |                                                                                                | Tổng số                            | 50.000        | 500.000.000              | 14,290       |                                                                                                                        |            |

|   |                  |                                                                                                     |                                    |         |               |        |                  |
|---|------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------|---------------|--------|------------------|
| 3 | TRẦN<br>HOÀNG HÀ | P3A Nhà A4 TT<br>Bộ LĐTBXH,<br>Phường Phương<br>Mai, Quận Đống<br>Đa, Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 100.000 | 1.000.000.000 | 28,570 | 0010870353<br>83 |
|   |                  |                                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                  |                                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                  |                                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                  |                                                                                                     | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                  |                                                                                                     | Tổng số                            | 100.000 | 1.000.000.000 | 28,570 |                  |
|   |                  |                                                                                                     |                                    |         |               |        |                  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|     |             |                                                                                  |                 |               |                                                                                     |              |                                                                                                                                             |            |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRẦN HOÀNG HÀ

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 06/01/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001087035383

Ngày cấp: 18/08/2020

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: P3A Nhà A4 TT Bộ LĐTBXH, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: P3A Nhà A4 TT Bộ LĐTBXH, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội